

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HS-ST
Ngày 19-04-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Khuê - Phó giám đốc, Giáo viên Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bà Nguyễn Thị H - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Yên Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Đỗ Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 03 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 04 năm 2022, đối với bị cáo:

Lê Đình Đ, sinh ngày 12/04/2004 tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị M; tiền án: không; tiền sự: ngày 24/8/2021, bị Công an xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “trộm cắp tài sản”; bị cáo bị Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 09/11/2021; bị Công an thị xã B, tỉnh Thanh Hóa tạm giữ từ ngày 18/12/2021 đến ngày 21/12/2021; ngày 26/01/2022 bị cáo bị Công an huyện Hà Trung bắt theo quyết định truy nã, bị tạm giữ từ ngày 26/01/2022 đến ngày 29/01/2022 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Trung đến nay; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp đồng thời là Người bào chữa cho bị cáo: bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa -

là mẹ đẻ của bị cáo; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* bà Lê Thị P - là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Vũ Xuân C, sinh năm 1943; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Bà Lê Thị C, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

3. Anh Vũ Xuân Đ, sinh năm 1977 và chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

4. Anh Trần Ngọc V, sinh năm 1994; địa chỉ: khu phố N, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Anh Vũ Văn V, sinh năm 1986; địa chỉ: tiểu khu T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Trịnh Quốc T, sinh năm 1996; vắng mặt.

2. Anh Lê Văn B, sinh năm 2000; vắng mặt;

3. Anh Lê Đình N, sinh ngày 22/11/2004. Đại diện hợp pháp: ông Lê Đình T, sinh năm 1979 (bố đẻ); đều vắng mặt.

4. Anh Vũ Thiên T, sinh năm 2003; vắng mặt.

5. Anh Lê Xuân B, sinh năm 1990; vắng mặt.

6. Anh Đình Văn T, sinh năm 1973; vắng mặt.

7. Ông Lương Văn V, sinh năm 1966; có mặt.

8. Bà Hà Thị L, sinh năm 1966; có mặt;

9. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

10. Anh Vũ Đình V, sinh năm 1994; địa chỉ: xóm 8, xã Nga Liên, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

11. Anh Trương Quốc M, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ 7, khu phố 5, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền thỏa mãn nhu cầu cá nhân, Lê Đình Đ đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Hà Trung và thị xã B, cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất: khoảng 20 giờ, ngày 03/9/2021, Lê Đình Đ đi bộ từ nhà đến trước nhà ông Vũ Xuân C với mục đích trộm cắp tài sản. Đến nơi Được quan sát thấy gia đình ông Chiêu đang xem ti vi trong nhà và không có ai trông coi tài sản ở khu vực bán hàng. Được trèo qua tủ kính bên trong rồi dùng tay mở hộp tôn lấy 03 hộp nhựa, bên trong đựng thẻ cào điện thoại di động, sau đó theo đường cũ trèo qua tường rào sát nhà ông Chiêu sang khu vực đất trống. Tại đây, Đ lấy thẻ cào điện thoại từ bên trong của 03 hộp nhựa giấu vào trong túi quần, bỏ lại 03 hộp nhựa tại khu vực đất trống (sau khi phát hiện thu giữ vật chứng thấy còn sót 01 thẻ cào mạng Viettel loại mệnh giá 20.000 đồng chưa qua sử dụng trong vỏ hộp nhựa) rồi đi về nhà kiểm tra thấy có 03 thẻ cào mạng Viettel loại mệnh giá 100.000 đồng, 11 thẻ cào mạng Viettel loại mệnh giá 50.000 đồng, 06 thẻ cào mạng Viettel loại 20.000 đồng.

Đến khoảng 09 giờ, ngày 04/9/2021, Đ đi bộ đến nhà anh Trịnh Quốc T chơi và hỏi mượn máy tính của anh Toàn để chơi điện tử trên Internet, anh Toàn đồng ý. Sau đó, Đ cào 03 thẻ cào mạng Viettel loại mệnh giá 100.000 đồng và 04 thẻ cào mạng Viettel loại mệnh giá 50.000 đồng mà Đ trộm cắp được tại nhà ông Chiêu lấy mã số thẻ nạp vào trò chơi “Liên Minh Huyền Thoại” để chơi. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Đ đến nhà anh Nguyễn Văn Đ1 bán cho anh Đ1 01 thẻ cào mạng Viettel loại mệnh giá 50.000 đồng và 06 thẻ cào mạng Viettel loại mệnh giá 20.000 đồng với giá 150.000 đồng, Đ mua nước ngọt tại nhà anh Đ1 hết 30.000 đồng, anh Đ1 đưa cho Được 120.000 đồng. Nhận tiền xong, Đ quay lại nhà anh T tiếp tục nạp vào tài khoản trò chơi 03 thẻ cào mạng Viettel loại mệnh giá 50.000 đồng. Sau đó, vì máy tính bị hỏng nên Đ đã mượn điện thoại di động của anh T tiếp tục chơi điện tử rồi nạp thêm 03 thẻ cào mạng Viettel loại mệnh giá 50.000 đồng để chơi và ngủ lại nhà anh Toàn.

Tại Kết luận định giá tài sản số 73/KL-HĐĐGTS ngày 15/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa kết luận: 03 chiếc hộp nhựa có giá trị tại thời điểm định giá thành tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam là: 9.000đ (chín nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản mà Lê Đình Đ trộm cắp tại nhà ông Vũ Xuân C là 999.000 đồng (chín trăm chín mươi chín nghìn đồng).

2. Vụ thứ hai: khoảng 04 giờ, ngày 17/12/2021, Lê Đình Đ đi bộ dọc khu vực khu phố N, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa phát hiện thấy nhà anh Trần Ngọc V cửa sổ nhà hé mở, Được liền trèo qua tường rào nhà anh V rồi tiến lại gần cửa sổ, quan sát bên trong thấy anh V đang nằm ngủ trên giường giáp cửa sổ, trên đầu giường có một chiếc điện thoại di động Iphone X màu đen, đang sạc sáng màn hình. Được dùng tay phải luồn qua ô song sắt cửa sổ kéo dây sạc rút ra rồi lấy chiếc điện thoại và nhanh chóng rời khỏi hiện trường. Đến khoảng 07 giờ cùng

ngày, Đ gặp bạn là anh Lê Văn B và nói mới nhất được chiếc điện thoại di động nên nhờ Ba chở đi bán, anh Ba đồng ý rồi điều khiển xe máy chở Được đến cửa hàng điện thoại T của anh Vũ Văn V, ở tiểu khu T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Đến nơi, Đ nói với anh V1 “Em bán cái điện thoại, anh mua không”, anh V1 hỏi mặt khẩu thì Được nói không biết, hỏi về nguồn gốc điện thoại thì Đ trả lời “Em nhất được” nên anh V1 chỉ đồng ý mua xác máy với giá 1.550.000 đồng. Đ đồng ý bán, nhận tiền xong Đ cho anh Ba 100.000 đồng, số tiền còn lại Được tiêu xài cá nhân hết. Đến 17 giờ, ngày 18/12/2021, Được đến Công an phường Đ, thị xã B đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B đã thu giữ chiếc điện thoại do anh V1 giao nộp lại.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 20/12/2021 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Thanh Hóa kết luận: chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, tại thời điểm bị xâm hại ngày 17/12/2021 là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

3. Vụ thứ ba: khoảng 06 giờ, ngày 10/01/2022, Lê Đình Đ đi bộ trên đường thuộc thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, khi đi qua nhà bà Lê Thị C phát hiện bà C đi xuống khu vực bếp, cửa nhà chính mở nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà C trộm cắp tài sản. Đ đi vào khu vực nhà hoang cạnh nhà bà C, trèo qua tường rồi đi qua khu vực giếng nước vào phòng khách nhà bà C. Khi vào trong, Đ phát hiện ở đầu giường phòng khách có 01 chiếc điện thoại Oppo A5s nên đã lấy cầm trên tay, sau đó vào phòng ngủ lật gối ở đầu giường thì phát hiện có 01 chiếc điện thoại Nokia 230 và 01 túi vải màu đỏ, Đ cầm toàn bộ tài sản trên theo đường cũ ra ngoài tới khu vực nhà hoang, Đ kiểm tra túi vải thì thấy bên trong túi có 01 sợi dây chuyền vàng bị đứt mối nối và hai bông tai vàng, hình tròn dạng nhẫn và số tiền 300.000 đồng, Đ kiểm tra điện thoại Oppo thì phát hiện có 20.000 đồng phía sau ốp điện thoại. Kiểm tra xong, Đ bỏ lại tại nhà hoang túi vải và chiếc điện thoại Nokia 230 màu đen rồi cầm tiền, vàng và chiếc điện thoại Oppo đi về nhà. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Đ gọi taxi đi từ nhà tới tiệm vàng N tại thị trấn H, huyện H bán vàng, khi đi qua khu vực nhà máy xi măng Long Sơn, Đ đã vút lại chiếc điện thoại Oppo. Khi tới tiệm vàng, Đ bán đôi bông tai được số tiền 7.725.000 đồng, còn dây chuyền vàng do tiệm vàng nói vàng giả nên Đ đem ra ngoài bỏ vào thùng rác rồi đi về, số tiền bán được đôi bông tai, Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 09/KL ngày 16/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung kết luận: tại thời điểm trộm cắp, 01 dây chuyền vàng có khối lượng 03 chỉ, loại vàng 9999 có giá trị là 15.840.000 đồng, 01 đôi bông tai bằng vàng có khối lượng 02 chỉ, loại vàng 9999 có giá trị là 10.560.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S đã qua sử dụng có giá trị là 1.100.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230 có giá trị là 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá có giá trị thành tiền là 27.600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Lê Đình Đ trộm cắp của nhà bà Lê Thị C là 27.920.000đ (hai mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

4. Vụ thứ tư: quá trình điều tra trong lần phạm tội ở vụ án thứ nhất, Lê Đình

Đ đã tự thú về hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của nhà anh Vũ Xuân Đ, chị Nguyễn Thị M. Cụ thể, khoảng 18 giờ, ngày 07/11/2020, Lê Đình Đ điều khiển xe đạp đến nhà anh Vũ Xuân Đ (chồng Dì ruột của Đ) để vá lốp. Khi đến trước cổng, Đ dựng xe đạp ở gốc cây sung trước nhà anh Đ2 rồi đi bộ vào trong sân. Quan sát thấy không có ai nên Đ đi vào trong và phát hiện cửa phòng khách của gia đình anh Đ2 không khóa, chỉ khép hờ. Lúc này, Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên dùng tay kéo cửa đột nhập vào phòng khách và khóa chốt bên trong. Đ di chuyển đến vị trí đặt tủ nhôm, sơn màu nâu có 04 cánh rồi mở hai cánh cửa bên trên (cửa không khóa) thì không thấy có tài sản gì. Đ kéo mở hai cánh cửa phía dưới thì chỉ mở được cánh cửa bên phải (cửa không khóa) thấy bên trong có những hộp giấy hình chữ nhật, Đ mở các hộp giấy để tìm kiếm tài sản thì có một tập tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam loại polyme mệnh giá 100.000 đồng và 200.000 đồng, một túi vải màu đỏ - đen có khóa kéo màu đỏ; một hộp trang sức bằng nhựa, màu đỏ, hình tròn. Đ đóng các cánh cửa tủ lại và cầm tiền, túi vải, hộp đựng trang sức rồi đi đến khu vực bếp để kiểm tra, phát hiện bên trong túi vải có 01 dây chuyền bạc gắn nanh lợn, do thấy không có giá trị nên Đ được không lấy mà bỏ lại dưới nền nhà bếp, Đ tiếp tục mở hộp trang sức thấy bên trong có 01 nhẫn màu vàng, loại 05 chỉ, mặt trên nhẫn có đính viên đá trang sức màu đỏ, cạnh vát và 01 đôi bông tai màu vàng, loại 02 chỉ, hình quả khế có đính hạt vàng ở giữa, một bên đôi bông tai đã bị đứt. Lúc này, Đ nghe có tiếng động bên ngoài sân nên cất giấu tài sản gồm tiền, nhẫn, bông tai vào túi quần, rồi nhét túi vải và hộp trang sức vào chân máy lọc nước sát tường nhà vệ sinh rồi đi vào nhà vệ sinh chui qua lỗ thông gió ra vườn cây của trôn rồi lấy xe đi về nhà. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Đ đi nhờ xe của người đi đường đến quán Internet tại thị xã B, tại đây Đ vào nhà vệ sinh của quán kiểm tra lại số tài sản trộm cắp của nhà anh Đ2 thì phát hiện chiếc nhẫn đã bị rơi, chỉ còn đôi bông tai vàng và số tiền 10.700.000 đồng nên giấu vào trong túi quần rồi quay ra chơi điện tử. Đến khoảng 09 giờ, ngày 08/11/2020, thông qua anh Lê Đình N giới thiệu, Đ đi taxi từ thị xã B đến cửa hàng sửa chữa xe máy Vũ Vân của anh Vũ Đình V mua lại một chiếc xe mô tô cũ, nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 29Y1-9511 với giá 5.000.000 đồng. Đến khoảng 19 giờ, ngày 23/11/2020, sau khi tiêu hết số tiền trộm cắp, Đ được điều khiển xe mô tô đến cửa hàng vàng H thuộc phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình bán đôi bông tai vàng được 5.200.000 đồng. Số tiền trên, Đ sử dụng vào trò chơi điện tử và tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng tháng 12/2020, Đ bán chiếc xe Wave, biển kiểm soát 29Y1-9511 cho một người không rõ lai lịch được số tiền là 2.000.000 đồng, số tiền bán xe Đ cũng tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 21/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung kết luận: tại thời điểm trộm cắp, 01 chiếc nhẫn vàng, loại 24K, trọng lượng 05 chỉ có giá trị là 27.000.000 đồng; 01 đôi bông tai vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ có giá trị là 10.800.000 đồng. Tổng cộng là 37.800.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Lê Đình Đ trộm cắp của nhà anh Vũ Xuân Đ là: 48.500.000 đồng.

Cáo trạng số 41/CT-VKSHT ngày 22 tháng 03 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Lê Đình Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Theo Quan điểm bào chữa cho bị cáo trong vụ án “Trộm cắp tài sản” xảy ra vào ngày 17/12/2021, tại khu phố N, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa gửi cho Tòa án, Người bào chữa - bà Lê Thị P thống nhất với tội danh và diễn biến, hành vi phạm tội của bị cáo đã được nêu trong Cáo trạng; do hành vi đầu thú của bị cáo, cơ quan điều tra Công an thị xã B đã thu giữ được chiếc điện thoại và giao trả lại cho người bị hại, người bị hại cũng không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ Điều 173 của Bộ luật Hình sự: tuyên bố bị cáo Lê Đình Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91, Điều 101 và Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015: xử phạt bị cáo Lê Đình Đ từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Lê Thị C số tiền 27.920.000 đồng, bồi thường cho anh Vũ Xuân Đ và chị Nguyễn Thị M số tiền 48.500.000 đồng; buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền còn lại là 1.450.000 đồng cho anh Vũ Văn V.

- Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân theo quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp đồng thời là Người bào chữa cho bị cáo - bà Nguyễn Thị M không bào chữa gì cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với vật chứng thu giữ được và bản kết luận định giá tài sản, đủ cơ sở khẳng định: với mục đích trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chơi điện tử và tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 07/11/2020 đến ngày 10/01/2022, trong và ngoài địa bàn huyện Hà Trung, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của các cá nhân, Lê Đình Đ đã lén lút thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất, vào ngày 07/11/2020, tại thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, Lê Đình Đ trộm cắp của gia đình anh Vũ Xuân Đ 01 chiếc nhẫn vàng 05 chỉ loại 24K, 01 đôi bông tai vàng 02 chỉ loại 24K và số tiền 10.700.000 đồng với tổng giá trị tài sản là 48.500.000 đồng.

Lần thứ hai, vào ngày 03/9/2021, tại thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, Lê Đình Đ trộm cắp của ông Vũ Xuân C 03 hộp nhựa bên trong đựng thẻ cào điện thoại di động mạng Viettel với tổng giá trị tài sản là 999.000 đồng. Tuy tài sản trộm cắp trị giá dưới 2.000.000 đồng nhưng trước đó vào ngày 24/08/2021, bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nên lần trộm cắp ngày 03/09/2021 của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Lần thứ 3, vào ngày 17/12/2021, tại khu phố N, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa, Lê Đình Đ trộm cắp của anh Trần Ngọc V 01 điện thoại Iphone X màu đen, trị giá 5.000.000 đồng.

Lần thứ tư, vào ngày 10/01/2022, tại thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, Lê Đình Đ trộm cắp của bà Lê Thị C 01 sợi dây chuyền vàng 03 chỉ loại 24K, 01 đôi bông tai vàng 02 chỉ loại 24K, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5s, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230 và số tiền 320.000 đồng với tổng giá trị tài sản là: 27.920.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản 04 lần trộm cắp mà Lê Đình Đ phải chịu trách nhiệm hình sự là 82.419.000 đồng (tám mươi hai triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng).

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung truy tố bị cáo Lê Đình Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các cá nhân, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn trong và ngoài huyện, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Mặt khác, Bị cáo còn là đối tượng có một tiền sự, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 54734/QĐ-XPHC ngày 24/08/2021, Công an xã Hà Vinh đã xử phạt bị cáo 750.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, mặc dù đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, gây khó khăn trong công tác điều tra vụ án. Vì vậy, phải áp dụng hình

phạt nghiêm khắc và cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo đã thực hiện 04 lần hành vi trộm cắp tài sản, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với hành vi “Trộm cắp tài sản” ngày 07/11/2020 tại gia đình anh Vũ Xuân Đ chưa bị phát hiện nhưng quá trình điều tra, bị cáo tự khai nhận ra hành vi này là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo đầu thú được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Cần căn cứ những tình tiết này để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên khi xem xét quyết định hình phạt cần cân nhắc, áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự quy định về đường lối xét xử đối với người chưa thành niên phạm tội và xử phạt bị cáo ở mức nhẹ hơn so với mức áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương tự.

Đối với quan điểm bào chữa của bà Lê Thị Phụng về việc đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét thấy, tại cơ quan điều tra, bị hại Trần Ngọc V được nhận lại chiếc điện thoại Iphone X mà bị cáo đã trộm cắp là do anh Vũ Văn V giao lại, mặt khác anh Vũ Văn V có yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 1.450.000 đồng nhưng đến nay bị cáo vẫn chưa trả được khoản tiền nào nên không được coi là “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”, vì vậy đề nghị này không phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn Đ1 mua các thẻ cào điện thoại của bị cáo nhưng không biết đó là tài sản mà bị cáo trộm cắp mà có, đối với anh Lê Văn B chở bị cáo đi bán chiếc điện thoại nhưng không biết việc bị cáo đi tiêu thụ tài sản trộm cắp mà có, đối với anh Vũ Văn V khi mua của bị cáo chiếc điện thoại nhưng không biết đó là tài sản trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý đối với anh Đang, anh Ba và anh V1.

[3]. Về hình phạt bổ sung: bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bà Lê Thị C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 27.920.000 đồng, anh Vũ Xuân Đ và chị Nguyễn Thị M yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 48.500.000 đồng, anh Vũ Văn V yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 1.450.000 đồng.

Bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các cá nhân và gây thiệt hại, tại thời điểm xét xử, bị cáo đã đủ 18 tuổi nên phải có trách nhiệm bồi thường, vì vậy cần căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, các điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Lê Thị C số tiền 27.920.000 đồng và bồi thường cho anh Vũ Xuân Đ và chị Nguyễn Thị M số tiền 48.500.000 đồng.

Sau khi trộm cắp được chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, bị cáo đã bán chiếc điện thoại này cho anh Vũ Văn V với số tiền 1.550.000 đồng. Do đây là giao dịch dân sự bất hợp pháp, anh V1 đã giao nộp chiếc điện thoại này cho cơ quan điều tra, anh V1 đã nhận lại 100.000 đồng từ anh Lê Văn B và yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền còn lại là 1.450.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự và các điều 579, 580 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải trả lại cho anh Vũ Văn V số tiền 1.450.000 đồng là phù hợp.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ của anh Nguyễn Văn Đ1 01 thẻ cào mạng Viettel loại mệnh giá 50.000 đồng và 06 thẻ cào mạng Viettel loại mệnh giá 20.000 đồng chưa qua sử dụng; thu giữ của bị cáo số tiền 120.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đang số tiền 120.000 đồng, sau khi nhận tiền, anh Đang không có yêu cầu gì nên miễn xét.

Cơ quan điều tra đã trả lại 03 chiếc hộp nhựa, 01 thẻ cào mạng Viettel loại mệnh giá 50.000 đồng, 07 thẻ cào điện thoại mạng Viettel loại mệnh giá 20.000 đồng chưa qua sử dụng cho ông Vũ Xuân C; đối với 03 thẻ cào loại mệnh giá 100.000 đồng và 10 thẻ cào loại mệnh giá 50.000 đồng mà bị cáo đã sử dụng, quá trình điều tra mẹ của bị cáo là bà Nguyễn Thị M đã bồi thường cho ông Chiếu số tiền 800.000 đồng. Ông Chiếu đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra Công an thị xã B đã trả lại chiếc điện thoại IphoneX cho anh Trần Ngọc V, anh V không yêu cầu gì nên miễn xét.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230, Oppo A5s và 01 sợi dây chuyền vàng, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không phát hiện và thu giữ được nên không có căn cứ xử lý.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại cửa hàng vàng bạc N của chị Dương Thị Thu, sinh năm 1974, trú tại tiểu khu 3, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa và cửa hàng vàng bạc H của chị Phạm Thị Thọ, sinh năm 1973 trú tại phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình nhưng đều không xác định được việc Lê Đình Đ có đến bán vàng tại hai cửa hàng này hay không, do đó không có căn cứ để xử lý.

Đối với chiếc nhẫn vàng bị cáo khai bị rơi, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

[6]. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Đình Đ.

1. Về tội danh: bị cáo Lê Đình Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Lê Đình Đ 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 26/01/2022 và được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/12/2021 đến ngày 21/12/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và các điều 579, 580, 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lê Đình Đ phải bồi thường cho bà Lê Thị C số tiền 27.920.000đ (hai mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), bồi thường cho anh Vũ Xuân Đ và chị Nguyễn Thị M số tiền 48.500.000đ (bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Lê Đình Đ phải trả lại cho anh Vũ Văn V số tiền 1.450.000đ (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 6; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Đình Đ phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.893.500đ (ba triệu tám trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hà Trung;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Văn Nam

